

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P3+P7	7:25	9+2+11	0+0+0		3+2+9	0+0+0	CHUYEN 6 P3-P7
2		TD2+P4	7:25	7+15	0+0		4+16	0+0	
3		VSP01+PPD	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
4		TD5+P1+TD2	7:25	0+1+20	0+0+0		0+1+19	0+0+0	CHUYEN 1 TD5-TD2
5		RC5+RP1+CI	9:25	2+0+20	0+0+0		0+0+21	0+0+0	CHUYEN 1 RC5-RP1
6		VSP02+BK16+RP3	9:25	3+1+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
7		PPD+AMD	9:25	3+17	0+0		0+20	0+0	
8		CTK3+TD5	9:25	22+0	0+0		15+6	0+0	
9		PPD	11:25	22	0		18	0	
10		CLO+GTC1+CI	11:25	6+6+10	0+0+0		0+6+9	0+0+0	
11		BK16+BK14+CTK3	11:25	12+1+9	0+0+0		3+1+15	0+0+0	CHUYEN 1 BK14-CTK3
12		P10+TD3+TD1	11:25	22+0+0	0+0+0		0+1+0	0+0+0	CHUYEN 4 TD3-TD1

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: AMD - P3 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA THANH	AMD	45-46	2	13		82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH HAI	AMD	35-36	2	12	45	94	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	33-34	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	39	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG THÈ KHAI	AMD	43-44	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC TUAN	AMD	38	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGHIỆP	AMD	40-41	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG TUAN	AMD	37	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	42	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P3	01	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ BẢO	P3	02-03	2	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P7	85	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	CAO ĐÌNH THANH	P7	87	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HAU	P7	82	1	3	30	72	KHOAN	Vietnamese
15	NHÂM ĐỨC QUANG	P7	88-89	2	7		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUYNH	P7	84	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUYẾN	P7					64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HỮU NAM	P7	81	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN QUANG	P7	86	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH HUNG	P7	80	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HOA	P7	83	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUY HUNG	P7	90	1	3		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	14	88	620	45	3		CHUYEN 06 PAX TU P3 SANG P7
2	P3	2	3	20	155	15	2 + 6		
3	P7	11	11	52	769	30	9		
TOTAL		22	28	160	1,544	90	14		
WEIGHT KG				160	1,544	90			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

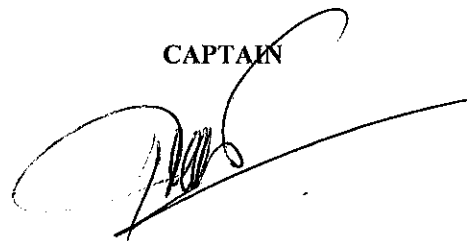
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD2 - P4	CREW: TTrung - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:15
Cam-2			

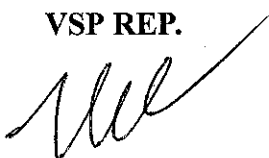
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2	36	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2	32	1	5	90	77	KHOAN	Vietnamese
3	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	31	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	TD2	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	37	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
6	BUI THO DUONG	TD2	34-35	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VĂN DIỆP	TD2					83	KHOAN	Vietnamese
8	HA QUỐC VIỆT	P4	32	1	3		61	KHI	Vietnamese
9	ZHURBIN NIOLAY	P4	34	1	5		93	KHI	Russian
10	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	21-22	2	11		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN BẠCH DUƠNG	P4	26	1	7		71	KHI	Vietnamese
12	BUI HUU LAN	P4	23	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	27	1	4	20	67	KHI	Vietnamese
14	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	24-25	2	8		83	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	31	1	6		77	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	29	1	6		81	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG THAI DUƠNG	P4	28	1	4		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	33	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	30	1	3		61	KHI	Vietnamese
20	LÊ XUÂN QUÝ	P4	35	1	6		74	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	20	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	36	1	3		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	7	37	550	90	5		
2	P4	15	17	85	1.084	20	16		
TOTAL		22	24	122	1.634	110	21		
WEIGHT KG				122	1.634	110			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: VSP01 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUBOCHKIN A A	VSP01	40-41	2	12	30	80	KH-THAC	Russian
2	LAM QUANG NAM	PPD	95	1	9	90	75	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN MINH VIEN	PPD	819-820	2	18		75	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	15	1	5		62	KHI	Vietnamese
5	PHAN VAN TUNG	PPD	21	1	10		80	KHI	Vietnamese
6	PHAM ĐỨC TUAN	PPD	821	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN ĐANG HUY	PPD	91	1	2		78	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HAO	PPD	16	1	12		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THU	PPD	94	1	8		60	KHI	Vietnamese
10	TRAN ĐỨC DUY	PPD	18	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	VÔ TÁ QUANG	PPD	93	1	5		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VINH	PPD	17	1	7		85	KHI	Vietnamese
13	ĐO VAN THANH	PPD	20	1	10		82	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	96	1	6		75	KHI	Vietnamese
15	ĐO THANH HUNG	PPD	12-13	2	14		70	YTE	Vietnamese
16	NGO THAI HA	PPD	92	1	8		65	DK9	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SOAI	PPD	22	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
18	VU CHI KIEN	PPD	97	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	19	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN HOAI BAO	PPD	24	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	PPD	822	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HA	PPD	23	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	1	2	12	80	30	0		
2	PPD	21	23	163	1.544	90	22		
TOTAL		22	25	175	1.624	120	22		
WEIGHT KG				175	1.624	120			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - P1 - TD2	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV A.V	P1	57	1	6		91	KH-THAC	Russian
2	NGÔ VĂN BÁC	TD2	75	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC ĐO	TD2	66	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	200	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	76	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	58	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	TD2	69-71	3	20		71	DMC-MI	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	60-61	2	9		81	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VINH THUẬT	TD2	57	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VIỆT LINH	TD2	62	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO XUÂN VANG	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ VĂN HUNG	TD2	67-68	2	8		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	TD2	63	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	DUƠNG HAI BĂNG	TD2	65	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH DUY HAI	TD2	56	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VŨ HÙNG	TD2	72-73	2	8		63	KHOAN	Vietnamese
17	LÀ QUY DANH	TD2	51-52	2	14		70	DVL	Vietnamese
18	MAI VĂN DUƠNG	TD2	53-54	2	15		83	DVL	Vietnamese
19	МЕШКОВ МИХАИЛ ЮРЬЕВИЧ	TD2	55	1	17		80	DVL	Russian
20	ĐINH ANH DUNG	TD2	59	1	3		73	GETRACO	Vietnamese
21	ĐẬU VĂN XUÂN	TD2	64	1	4		62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	50	0	71	CHUYEN 1 PAX TD5-TD2
2	P1	1	1	6	91	0	1		
3	TD2	20	26	150	1.517	0	20		
TOTAL		21	27	156	1.608	50	21		
WEIGHT KG				156	1.608	50			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: RC5 - RP1 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUANG TRUNG	RC5	70-71	2	20	5	52	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH QUANG	RC5	69	1	20		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG BA ĐIỀU	CLI	19	1	4		57	YTE	Vietnamese
4	DUCHENKO	CLI	14	1	8		125	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	29	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
6	KARPENKO	CLI	13	1	12		84	KH-THAC	Russian
7	ĐANG MINH TÂM	CLI	25-26	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	30	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH HUÂN	CLI	20	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	35-36	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI QUỐC HUNG	CLI	21	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VAN VUONG	CLI	16-17	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH THẾ ANH	CLI	34,39	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN GIANG	CLI	24	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	31	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	15	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VỤ	CLI	18	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN DAN	CLI	32-33	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	27-28	2	6		76	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VIET PHUONG	CLI	22-23	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	2	3	40	130	5	0+1		CHUYEN I PAX RC5-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	CLI	18	25	151	1.362	0	21		
TOTAL		20	28	191	1.492	5	21		
WEIGHT KG				191	1.492	5			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: VSP02 - BK16 - RP3	CREW: TTrung - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN LE HOI	VSP02	77-78	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HA	VSP02	38	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI XUAN TIEN	VSP02	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÙNG	BK16	51	1	5	60	88	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	10	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	02	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	11	1	7		65	KHI	Vietnamese
8	TU NGỌC HAI	RP3	07-08	2	15		69	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	16	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	12	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	18	1	4		65	KHI	Vietnamese
12	NGO THANH LAM	RP3	06	1	4		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC ANH	RP3	13	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	14-15	2	10		78	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	17	1	8		70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM DUY DŨNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU THẾ ANH	RP3	20	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TIEN	RP3	19	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	05	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ THANH LAM	RP3	03	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	4	26	203	0	0		
2	BK16	1	1	5	88	60	1		
3	RP3	18	19	101	1.275	0	19		
TOTAL		22	24	132	1.566	60	20		
WEIGHT KG				132	1.566	60			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: PPD - AMD	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 11:30
VANG-2			

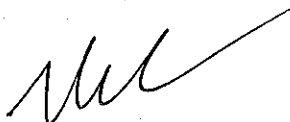
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BIEN MINH SON	PPD	97	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DANG QUANG	PPD	99	1	8	20	60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN GIANG	PPD	98	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH PHUC AM	AMD	09	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEU	AMD	01	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LY CAO THANG	AMD	08	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO QUANG HUAN	AMD	26-27	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU DUC CHI	AMD	10-11	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU XUAN DUC	AMD	12-13	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN LAM	AMD	02	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN HONG DUONG	AMD	14-15	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHAU HUNG HUY	AMD	502	1	12	20	73	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG MANH PHU	AMD	501	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC LAI	AMD	24-25	2	6		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	04	1	5		73	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HUU BINH	AMD	06	1	6		60	PSV	Vietnamese
17	LUONG THANH DONG	AMD	03	1	6		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN LAM THANG	AMD	07	1	6		87	PSV	Vietnamese
19	PHAM TUAN THANH	AMD	05	1	5		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	3	3	22	192	20	2		
2	AMD	16	21	144	1.155	20	20		
TOTAL		19	24	166	1.347	40	22		
WEIGHT KG				166	1.347	40			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: L Hải - ĐỨC - dũng	ETA: 11:35
TRANG-2			

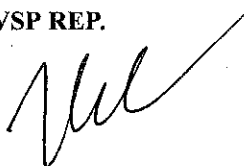
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TAT THANG	CTK3	43	1	5		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	39	1	4		70	HVJOC	Vietnamese
3	TRINH QUOC HUY	CTK3	32	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SAU	CTK3	27	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	VU CONG KHANG	CTK3	29	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN DU	CTK3	33	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRAN DUC MINH	CTK3	36-37	2	14		81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	25	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA HUE	CTK3	31	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH CHUNG	CTK3	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HE	CTK3	30	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN KHUONG	CTK3	28	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TU THANG	CTK3	23-24	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAM VAN THANH	CTK3	41	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	46	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NGOC MINH	CTK3	26	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	35	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN SON HA	CTK3	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU TRUNG KIEN	CTK3	44-45	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	40	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI HUU HUAN	CTK3	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

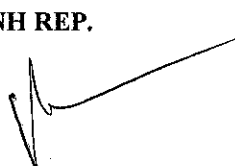
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	25	146	1.539	50	16		
2	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	25	146	1.539	50	22		
WEIGHT KG				146	1.539	50			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

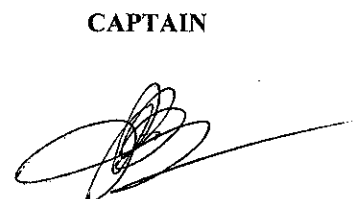
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: PPD	CREW: Phong - ĐNam - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM SINH	PPD	86	1	5	10	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN ANH	PPD	82	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI	PPD	79-80	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG PHU SUA	PPD	74	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	81	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC TRUONG	PPD	78	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	83	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG TRI DUNG	PPD	76	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG VAN TANG	PPD	85	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH KIM	PPD	77	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TRONG DAI	PPD	75	1	11		54	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM LE DUONG	PPD	84	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CONG HIEN	PPD	91	1	4		61	KHI	Vietnamese
14	PHAM HONG THAI	PPD	93	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	DOAN DUY HUNG	PPD	92	1	7		88	KHI	Vietnamese
16	HOANG HUY TIEN	PPD	95	1	8		61	KHI	Vietnamese
17	LE MINH PHUNG	PPD	90	1	4		78	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HA	PPD	89	1	5		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	88	1	5		54	KHI	Vietnamese
20	HUYNH NAM LONG	PPD	96	1	19		67	KHI	Vietnamese
21	TRAN SON HAI	PPD	87	1	6		75	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LAM	PPD	94	1	5		95	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	153	1.519	10	18		
TOTAL		22	23	153	1.519	10	18		
WEIGHT KG				153	1.519	10			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: CLO - GTC1 - CLI	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - Huy	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	CLO	83	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	CLO	79	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TÂM	CLO	82	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TRỌNG NHÌEN	CLO	78	1	12	40	55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN AN NINH	CLO	77	1	16		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ CHIẾN	CLO	80-81	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	GTC1	21,76	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO KIM CƯỜNG	GTC1	20	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	18	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BẮC	GTC1	16-17	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG XUÂN HUY	GTC1	50	1	6	16	60	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG ĐỨC LỘC	GTC1	19	1	7		65	PSV	Vietnamese
13	PHẠM THANH HẢI	CLI	04-05	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	10-11	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ THANH QUANG	CLI	12	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN PHƯƠNG	CLI	09	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG TRỌNG CHUNG	CLI	06	1	12	10	80	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN HUY	CLI	08	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	7	85	426	40	0		
2	GTC1	6	8	57	397	16	6		
3	CLI	7	9	56	540	10	9		
TOTAL		19	24	198	1.363	66	15		
WEIGHT KG				198	1.363	66			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2022	TO: BK16 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:57
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN KHANG	BK16	31	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH THẮNG	BK16	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	32	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
4	VU HỮU HÀ	BK16	40-41	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN BÌNH	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG NHÂN	BK16	29-30	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÀ	BK16	52	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HÙNG LONG	BK16	36-37	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DANH	BK16	45	1	13	35	63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY DƯƠNG	BK16	39	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC SANG	BK16	35,34	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN GIÁP	BK16	42-43	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	BK16	46-47	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN PHONG	BK14	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	55	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	56-57	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	54	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MƯỜI	CTK3	53	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	52	1	13		93	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	50	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	CTK3	51	1	9		66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	13	18	145	903	35	3		CHUYEN 1 BK14-CTK3
2	BK14	1	1	5	65	0	1	1	
3	CTK3	7	8	70	512	0	16		
TOTAL		21	27	220	1.480	35	20		
WEIGHT KG				220	1.480	35			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:59
FLIGHT: 12	TO: P10 - TD3 - TD1	CREW: LHai - ĐỨC - Dũng	ETA: 13:45
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN HỌC	P10	20-21	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐO TRỌNG LƯỢNG	P10	17	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
3	VU TUAN ANH	P10	18-19	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TIEN PHAT	P10	34	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO VĂN HOANG	P10	44-45	2	10		58	XAYLAP	Vietnamese
6	VÔ NGUYEN MINH PHUOC	P10	23-24	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG BA THANG	P10	30	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN TIEN DUNG	P10	39-40	2	8		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HAI NAM	P10	35	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
10	VU VAN HUY	P10	38	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
11	LUU ĐỨC THỊNH	P10	25-26	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN BA	P10	31	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
13	VUONG HUY HOAN	P10	46	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NAM	P10	28-29	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM CONG HINH	P10	36-37	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
16	TRUONG VAN NGHIA	P10	32-33	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐANG VAN BAN	P10	43	1	15		81	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN THỂ NGUYỄN	P10	22	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THANH	P10	42	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG DINH THUAN	P10	41	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH QUÂN	P10	65-66	2	13		61	XAYLAP	Vietnamese
22	THINH TUAN HAI	P10	27	1	8		89	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	32	262	1,499	0	0		CHUYEN 4 PAX TD3-TD1
2	TD3	0	0	0	0	0	2	4	
3	TD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	32	262	1,499	0	2		
WEIGHT KG				262	1,499	0			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN